Chi tiết mã HS 3002.49.00

Mã HS	3002.49.00
Mô tả hàng hóa	Máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các phần phân đoạn khác của máu và các sản phẩm miễn dịch, có hoặc không được cải biến hoặc thu được từ quy trình công nghệ sinh học; vắc xin, độc tố, vi sinh nuôi cấy (trừ các loại men) và các sản phẩm tương tự; tế bào nuôi cấy, có hoặc không cải biến / - Vắc xin, độc tố, vi sinh nuôi cấy (trừ các loại men) và các sản phẩm tương tự: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	12/11/2026 09:29:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30024900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4547
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4547
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4547
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4467
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4428
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4428
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4428
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4428
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4428
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4428
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4466
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4466
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4466
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4466

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4466
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4466
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4470
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4470
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4470
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4470
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4470
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4470
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4470
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4434
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4430
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4430
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4430
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4430
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4430
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4430
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4430
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4430
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4430
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4430
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4430
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4430
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4477
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4477
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4477
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4477

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4477
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4477
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4474
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4474
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4474
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4474
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4474
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4474
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D601
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E601
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4482
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4482
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4482
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4482
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4482
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4482
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4453
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4453
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4453
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4453
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4453
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4453
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4455
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4455
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4455
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4455

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4455
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4455
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4453
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4453
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4453
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4453
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4453
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4453
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4453
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4474
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4474
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4474
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4474
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4474
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4474
RCEP B	2022	2022	0	B!D4474
RCEP B	2023	2023	0	B!E4474
RCEP B	2024	2024	0	B!F4474
RCEP B	2025	2025	0	B!G4474
RCEP B	2026	2026	0	B!H4474
RCEP B	2027	2027	0	B!I4474
RCEP C	2022	2022	0	C!D4474
RCEP C	2023	2023	0	C!E4474
RCEP C	2024	2024	0	C!F4474
RCEP C	2025	2025	0	C!G4474
RCEP C	2026	2026	0	C!H4474

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4474
RCEP D	2022	2022	0	D!D4474
RCEP D	2023	2023	0	D!E4474
RCEP D	2024	2024	0	D!F4474
RCEP D	2025	2025	0	D!G4474
RCEP D	2026	2026	0	D!H4474
RCEP D	2027	2027	0	D!I4474
RCEP E	2022	2022	0	E!D4477
RCEP E	2023	2023	0	E!E4477
RCEP E	2024	2024	0	E!F4477
RCEP E	2025	2025	0	E!G4477
RCEP E	2026	2026	0	E!H4477
RCEP E	2027	2027	0	E!I4477
RCEP F	2022	2022	0	F!D4474
RCEP F	2023	2023	0	F!E4474
RCEP F	2024	2024	0	F!F4474
RCEP F	2025	2025	0	F!G4474
RCEP F	2026	2026	0	F!H4474
RCEP F	2027	2027	0	F!I4474
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4118
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4118
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4118
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4118

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HC cấm ĐTKD theo QĐ của Luật Đầu tư (Đ5.5 NĐ26)			Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hóa chất Bảng 1 (1A-Các hóa chất độc 33/2024/NĐ-CP & 26/2026/NĐ-CP)		33/2024/NĐ-CP, 26/2026/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 3002.49.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 3002.49.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3002.49.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3002.49.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4547), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hóa chất Bảng 1 (1A-Các hóa chất độc 33/2024/NĐ-CP & 26/2026/NĐ-CP)
HC cấm ĐTKD theo QĐ của Luật Đầu tư (Đ5.5 NĐ26)
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.